

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn D Tuyên**
2. Ông **Nguyễn Văn Xuất**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Lê Thị Vân Anh** – thư ký toà án nhân dân huyện Sóc Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn - TP Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 221/ 2021/ HSST - ngày 02 tháng 12 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST- ngày 10/01/2022 đối với bị cáo:

Tạ Thị Bích H, sinh năm 1970; tại xã Hiền Ninh, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Hiền Ninh, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tạ Quang Huy; con bà: Nguyễn Thị Trinh; chồng: Hồ Văn Dũng (đã ly hôn); con: có 01 con sinh 1994; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: không có thông tin, tài liệu gì trong hồ sơ; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2021 đến ngày 16/10/2021, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

Bị hại

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Thôn Vụ Bản, xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội (có đơn xin xử vắng mặt).

2. Chị Lê Thị V, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Thôn 25, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa; nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/11/2020, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Sóc Sơn tiếp nhận đơn tố giác của bà Nguyễn Thị T, tố giác Tạ Thị Bích Loan có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức lừa đảo xin việc làm. Bà T giao nộp: giấy vay tiền có chữ ký của H (bản chính) với nội dung vay 270.000.000đ vào ngày 02/5/2019, hạn trả 30/9/2019; chứng minh thư phô tô của H; 01 giấy nhận tiền nội dung nhận 270.000.000đ để lo chạy công chức cho cháu T.

Quá trình điều tra làm rõ: khoảng đầu năm 2018, con gái bà T là Dương Thị T1 T, sinh 1994 ở thôn Gò Gạo, xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội là giáo viên hợp đồng ở trường tiểu học Minh Trí có quen với Tạ Thị Bích H (H cũng làm giáo viên hợp đồng của trường). Khoảng đầu tháng 3/2019, Bộ giáo dục thông báo thi viên chức giáo dục, mặc dù không có chức năng xin việc và lo thi tuyển công chức nhưng H đã chủ động liên hệ với gia đình bà T bảo có người quen là Hoàng Anh T, trú tại ngõ 36 phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội nói có thể lo cho T thi đỗ viên chức với số tiền 100.000.000đ. Ngày 09/3/2019, H đến nhà bà T nhận số tiền 100.000.000đ, tại đây bà T tiếp tục nhờ H lo chạy viên chức cho con trai là Dương Văn D, sinh năm 1990 (đang làm giáo viên hợp đồng tại trường THCS Minh Trí) cũng thi trong đợt này, H đồng ý. Ngày 12/3/2019, H gọi điện cho bà T yêu cầu đưa tiếp 80.000.000đ và phải đưa tiền ngay trong ngày. Cùng ngày bà T đưa tiền cho chị T để chị T đưa cho H tại cổng trường tiểu học Minh Trí cơ sở 02. Ngày 21/3/2019 H yêu cầu chuyển thêm 20.000.000đ nên ông Ngọc (chồng bà T) đã đưa số tiền trên cho H tại cổng trường tiểu học Minh Trí ở thôn Thắng Trí, xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội. Ngày 29/3/2019, H yêu cầu bà T chuyển số tiền 40.000.000đ để chạy thi môn Tiếng Anh cho chị T và anh D. Bà T đồng ý và đưa tiền cho H tại cổng trường tiểu học Minh Trí ở thôn Thắng Trí, xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Ngày 02/5/2019 H yêu cầu bà T đưa 30.000.000đ để ngoại giao xin việc, chiều tối cùng ngày bà T cùng con dâu là chị Phạm Thị T1 đưa tiền cho H tại cổng trường tiểu học Minh Trí cơ sở 01. Tổng cộng H đã nhận của bà T số tiền 270.000.000đ để lo cho hai con bà T thi đỗ viên chức. Khi giao tiền cho H, bà T yêu cầu H ký vào giấy vay tiền đã soạn sẵn mà không phải giấy nhận tiền để xin việc.

Trước khi thi, H đưa cho anh D và chị T mấy bộ đề thi môn Tiếng Anh và đáp án môn Luật để ôn thi và bảo sẽ có người xuống nói chuyện, hướng dẫn thi nhưng đến ngày thi anh D không thấy ai đến gặp và nói chuyện như H nói.

Ngày 20/10/2019, chị T và anh D thi viên chức vòng 1 và biết kết quả chị T không đỗ còn anh D đỗ bằng chính khả năng của mình. Gia đình bà T gọi điện cho H thông báo về việc chị T bị trượt vòng 1 nhưng H bảo yên tâm sẽ đỗ. Đến kỳ thi vòng 2, chị T không có tên trong danh sách được thi, bà T yêu cầu H trả lại toàn bộ

số tiền đã đưa cho H. H đồng ý trả lại 270.000.000đ cho bà T, chị T viết giấy nhận tiền với nội dung “bà H nhận số tiền 270.000.000đ nhưng không xin được đồ viên chức, trả lại số tiền trên trước ngày 30/9/2019, bà T yêu cầu H ký vào giấy có nội dung nêu trên để đảm bảo H sẽ lại số tiền cho bà.

Ngày 25/11/2019, H đến nhà bà T và công nhận anh D tự thi đổ nên trả lại cho bà T 100.000.000đ, ngày 15/12/2019, H chuyển khoản trả bà T 50.000.000đ, còn lại 120.000.000đ H hẹn tháng 02/2020 sẽ trả hết nhưng không trả lại tiền cho bà, gia đình bà T không liên lạc được với H.

Cơ qua điều tra đã tiến hành giám định chữ ký, chữ viết trên các tài liệu do bà T giao nộp, kết quả: Chữ ký đứng tên Tạ Thị Bích H trên giấy vay tiền và giấy nhận tiền do Tạ Thị Bích H là chữ do cùng một người ký ra.

Quá trình điều tra, H thừa nhận việc nhận 270.000.000đồng để chạy công chức cho anh Huy, chị T bản thân H không có khả năng lo thi công chức nên đã chuyển số tiền này cho người đàn ông có tên là Hoàng Anh T (việc H đưa tiền cho T không viết giấy, không có ai chứng kiến, H không biết T là ai, ở đâu). Tiến hành xác minh tại địa chỉ của Hoàng Anh T do H cung cấp nhưng Công an phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội xác định: Không có địa chỉ ngõ 36 Xuân Đình, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm; trên địa bàn không có ai tên là Hoàng Anh T.

Ngày 10/01/2021, phòng giáo dục huyện Sóc Sơn có văn bản trả lời về việc: Năm 2019 có 02 cá nhân là Dương Văn D và Dương Thị T1 T tự nộp hồ sơ thi tuyển viên chức năm 2019. Kết quả thi tuyển môn Tiếng Anh, kiến thức chung đạt 40/60 (đỗ vòng 01); vòng 02 D đạt 57 điểm. Kết quả: D được tuyển dụng làm giáo viên giáo dục thể chất của trường THCS Minh Trí, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Kết quả xác minh tại trường tiểu học Minh Trí xác định: Năm 2019, H và T là giáo viên hợp đồng của huyện, quá trình công tác tại trường thì H không có chức vụ gì, không có chức năng tuyển dụng. Cuối năm 2019 H làm đơn xin nghỉ hưu sớm, nhà trường đã trả hồ sơ của H nên không còn lưu trữ. Năm 2019 chị T có làm hồ sơ đăng ký thi tuyển viên chức giáo dục nhưng không đỗ. Năm 2020 đã chuyển sang tỉnh Vĩnh Phúc làm việc, nhà trường đã chuyển hồ sơ của chị T đến nơi làm việc mới.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 270.000.000đồng H nhận của bà T để xin việc cho anh D và chị T. Đến thời điểm bà T làm đơn tố giác H còn chiếm đoạt của bà T 120.000.000đồng. Đến nay; H đã trả cho bà T 60.000.000đồng, số tiền còn lại 60.000.000đồng bà T không yêu cầu H phải trả, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm cho H.

Vụ thứ hai:

Ngày 18/8/2020, Cơ qua CSĐT – Công an quận Bắc Từ Liêm tiếp nhận đơn tố giác của chị Lê Thị V tố giác Tạ Thị Bích H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức xin việc làm; chị V giao nộp giấy nhận tiền có chữ ký của H

(bản chính) ngày 12/6/2019 và chứng từ chuyển khoản tiền cho H của chị V để lo chạy công chức cho chị V.

Quá trình điều tra làm rõ: năm 2019, chị V là giáo viên hợp đồng tại trường THCS Nguyễn Du, huyện Sóc Sơn, Hà Nội có quen Tạ Thị Bích H thông qua chị Tạ Thị Lua (là giáo viên cùng trường). Do biết chị V đang có nhu cầu thi viên chức giáo dục tại huyện Sóc Sơn, nên H đã chủ động gặp chị V nói có quen một người ở Sở Nội Vụ, nếu cần sẽ giúp chị V thi đỗ viên chức với điều kiện chị V phải đưa cho H số tiền 150.000.000đồng. Chị V tin tưởng và đồng ý nhờ H. Vì vậy, từ ngày 12/6/2019 đến ngày 22/7/2019, chị V đã ba lần chuyển cho H với tổng số tiền 150.000.000đồng (mỗi lần 50.000.000đ). Trong đó có 02 lần giao trực tiếp tại nơi ở của H tại phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội. Quá trình giao nhận tiền có giấy viết nêu rõ nhận tiền để lo viên chức, ngày 22/7/2019, nộp tiền tại Ngân hàng Techcombank vào tài khoản số 1010103284, mang tên Tạ Thị H, Ngân hàng SHB Chi nhánh Xuân Đình. Khi đến gần ngày thi viên chức, H đã đưa chị V một số đáp án đề thi tiếng Anh và yêu cầu chị V học T1ộc để làm bài thi. Chị V nghi ngờ H lừa đảo chiếm đoạt số tiền trên, nên không nhờ H giúp nữa và đã nhiều lần yêu cầu H trả lại số tiền 150.000.000đ. Đầu năm 2020, H trả cho chị V số tiền 20.000.000đ, còn lại số tiền 130.000.000đ, H chưa trả cho chị V và trốn tránh việc trả tiền nên chị V đã gửi đơn tố giác H tại Cơ quan CSĐT – Công an quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.

Cơ quan điều tra tên hành trung cầu giám định chữ ký chữ viết đối với các tài liệu mà chị V cung cấp, xác định: Chữ ký, chữ viết trong giấy nhận tiền ở phần người nhận tiền và chữ ký chữ viết của Tạ Thị Bích H là do cùng một người ký ra.

Tại Cơ qua điều tra H thừa nhận việc nhận số tiền 150.000.000đồng của chị V để xin lo thi viên chức cho chị V. H khai số tiền 150.000.000đồng đưa cho Hoàng Anh T (sinh 1966, trọ tại ngõ 36 Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội) để chạy viên chức cho chị V.

Cơ quan CSĐT đã xác minh Hoàng Anh T tại địa chỉ trên nhưng chính quyền địa phương xác định: Không có ai tên là Hoàng Anh T, sinh năm 1966, trọ tại ngõ 36 Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.

Về trách nhiệm dân sự: Đến nay H đã khắc phục hậu quả, trả lại toàn bộ số tiền 150.000.000đ cho chị V, chị V không có yêu cầu gì nữa và có đơn xin miễn giảm truy cứu trách nhiệm hình sự cho H.

Tại bản cáo trạng số: 198/CT/VKS ngày 25/11/2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung vụ án đã nêu, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn D trì công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố và kết luận: Bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo, xem xét thái độ khai báo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử phạt: Tạ Thị Bích H: 30 đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2021 đến ngày 16/10/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thoả T1ận giữa bị cáo và các bị hại đã thống nhất giải quyết xong về phần bồi T cho các bị hại, các bị hại không có đề nghị gì nữa nên không đặt ra giải quyết.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sóc Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Tạ Thị Bích H không có chức năng xin việc, nhưng H đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị T và chị Lê Thị V với tổng số tiền 250.000.000đ thông qua hình thức lừa đảo thi tuyển viên chức giáo dục để lấy tiền tiêu sài. Cụ thể.

Từ tháng 3/2019 đến tháng 5/2019, H đã lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 270.000.000đ của gia đình chị T. Trước thời điểm bị tố giác, H đã trả lại cho chị T số tiền 150.000.000đ. Còn lại 120.000.000đ.

Từ ngày 12/6/2019 đến ngày 22/7/2019, H đã lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 150.000.000đ của chị Lê Thị V. Trước thời điểm bị tố giác, H đã trả lại cho chị V 20.000.000đ, còn lại 130.000.000đ.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội danh và hình phạt được quy định tại a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản T1ộc quyền sở hữu của người khác, gây mất trật tự trị an, do đó việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử bị cáo bằng pháp luật là cần thiết nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cần lên một mức hình phạt, cho tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên khi lượng hình cũng nên xem xét đến tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Bộ luật hình sự quy định khi lượng hình đối với bị cáo. Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi T cho bị hại. Trước khi phạm tội bị cáo được công nhận chiến sĩ thi đua cơ sở, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục; gia đình bị cáo có công với cách mạng (bà nội bị cáo là mẹ Việt Nam anh hùng; bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhất, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng) người bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đó là các tình tiết xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: bị cáo không có thông tin tài liệu gì trong hồ sơ, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Xét thấy bị cáo phạm tội nhiều lần, phạm tội rất nghiêm trọng nên cần phải cách ly bị ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Đối với mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với Hoàng Anh T mà H khai chuyển tiền để chạy viên chức cho con bà T và chị V: Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được tên tuổi, địa chỉ của đối tượng H khai đã chuyển tiền nên không có cơ sở giải quyết.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thì hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo không có tài sản gì giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng gia đình đã bồi T xong cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì nữa.

Về vật chứng: không có.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: **Tạ Thị Bích H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ khoản điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 (phạm tội 02 lần), Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình; Điều 135, 136 Điều 333, 337 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: **Tạ Thị Bích H**: 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày: 07/8/2021 đến ngày 16/10/2021.

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm cho Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

Bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân TP Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

- Nơi nhận:

- VKSND huyện Sóc;
- Công an huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Sóc Sơn (để thi hành);
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA - PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phi